

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 27 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hoàng Giang.

Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7 và ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T (tên thường gọi khác Mèo M), sinh ngày 20/10/1988 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn D và bà Lý Thị P; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 31/10/2023 đến ngày 09/11/2023 chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Đỗ Văn H, sinh ngày 20/12/1997 tại huyện C, thành phố Cần Thơ; nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Đ và bà Trần Thị D1; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 31/8/2023, Công an xã T, huyện C xử phạt hành chính số tiền là 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành quyết định ngày 20/02/2024); nhân thân: quyết định số 22/QĐ-TA ngày 13/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian là 14 tháng (chưa chấp hành quyết định); bị bắt tạm giam ngày 14/3/2024 cho đến nay (có mặt).

3. Trần Thanh H1 (tên thường gọi khác Hải Đ1), sinh ngày 01/01/1984 tại huyện C, thành phố Cần Thơ; nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 2/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng N và bà Đào Thị Thu H2 (đều đã chết); có vợ là Danh Thị P1, vợ sau là Nguyễn Thị L, đều không đăng ký kết hôn và không còn sống chung và có 02 người con cùng cha khác mẹ (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 25/3/2024 cho đến nay (có mặt).

Bị hại:

Bà Trần Thị Bạch T1, sinh năm: 1957 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phạm Thanh T2, sinh năm: 1987 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Vưu Tuyết N1, sinh năm: 1955 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm: 1957 (có đơn đề nghị vắng mặt). Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 31/10/2023, Công an xã T, huyện G phối hợp với Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang tuần tra, thấy bị cáo Đỗ Văn T có biểu hiện nghi vấn, đang điều khiển xe đạp điện tham gia giao thông, thuộc ấp P, xã T, huyện G nên lực lượng Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra. Kết quả kiểm tra phát hiện bị cáo T cất giữ các đồ vật sau: Bảy đoạn ống hút với nhiều kích thước khác nhau, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể không đồng nhất nghi là chất ma túy, được bỏ trong 01 bịch nylon có rãnh cài viền màu đỏ và quấn chặt bằng đoạn băng keo màu đen, bị cáo T cất giữ trong túi quần bên phải, phía trước (quần sọt J đang mặc) và một số đồ vật khác như: Tiền Việt Nam, nhẫn, dây chuyền, bộ D2 sử dụng trái phép chất ma túy...). Do đó, Công an lập biên bản bắt quả tang, khi bắt quả tang bị cáo T thừa nhận các đoạn ống hút nêu trên, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất là chất ma túy.

Kết quả điều tra xác định như sau: Hơn 09 giờ, ngày 31/10/2023, bị cáo T đi đến nhà của bà Trần Thị Bạch T1 thuộc ấp P, xã T, huyện G, thấy không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; do cửa trước khóa bị cáo T đi vòng ra phía sau (cửa không khóa) đột nhập vào trong nhà bà T1 tìm tài sản nhiều nơi, khi bị cáo T vào phòng ngủ thấy tủ nhựa có nhiều ngăn nên mở ra xem, khi mở ngăn tủ bên trái trên cùng bị khóa nên lấy chìa khóa đang gắn trên ngăn tủ bên cạnh để mở, khi mở tủ ra có cái ví nữ, mở ra xem bên trong có túi màu đỏ đựng nhiều tài sản là vàng, gồm dây chuyền, lắc, nhẫn và bông tai, bị cáo T không xem số lượng bao nhiêu mà cất vào túi áo sơ mi đang mặc và bỏ đi.

Sau đó, bị cáo T thuê xe ôm chở đến tiệm V tại khu dân cư N thuộc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, nhờ chủ tiệm vàng là ông Phạm Thanh T2 kiểm tra số vàng lấy trộm của bà Trần Thị Bạch T1 gồm: 01 dây chuyền lớn mặt tròn, 01 dây chuyền nhỏ kiểu khoen lật, 01 lắc đeo tay, 03 nhẫn đeo tay và 01 chiếc bông tai; kết quả kiểm tra 01 dây chuyền lớn mặt tròn là vàng giả, còn lại đều là vàng thật (vàng 18k). Bị cáo T bán toàn bộ số tài sản là vàng thật cho chủ tiệm vàng T2 Điều được số tiền tổng cộng là 41.260.000 đồng, 01 dây chuyền lớn mặt tròn là vàng giả bị cáo giữ lại.

Sau khi bán vàng xong, bị cáo T đến nhà bị cáo Trần Thanh H1 thuộc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ, mục đích để chuộc lại điện thoại OPPO bị cáo cầm cho bị cáo H1 với giá là 600.000 đồng (điện thoại này do bị cáo T lấy trộm của bà Nguyễn Thị T3 vào ngày 29/10/2023); thời điểm này, tại nhà bị cáo H1 có mặt bị cáo Đỗ Văn H và các anh Nguyễn Vũ K và Danh Quốc N2 đang uống rượu, bị cáo T đưa cho bị cáo H1 số tiền là 1.000.000 đồng chuộc lại điện thoại và cùng ngồi uống rượu; trong lúc đang uống rượu, bị cáo Tuấn hỏi bị cáo H1 còn chất ma túy không, bị cáo H1 trả lời không có tiền, bị cáo T nói tiền thì thiếu gì và lấy số tiền là 2.000.000 đồng đưa cho bị cáo H1, bị cáo H1 nhận tiền đưa lại cho bị cáo H, để bị cáo H đi mua ma túy giúp bị cáo T; bị cáo H đồng ý và bị cáo T đưa thêm cho bị cáo H số tiền là 500.000 đồng để xăng xe đi mua ma túy. Bị cáo H liên lạc với người tên Tính Long X (không rõ nhân thân, lai lịch và địa chỉ) để mua ma túy là 2.000.000 đồng và được đối tượng tên T4 đồng ý, hẹn đến thị trấn C, huyện C sẽ có người giao; sau khi liên hệ xong, bị cáo H điều khiển xe mô tô đến thị trấn C gặp 02 người thanh niên đeo khẩu trang (không biết tên và địa chỉ), điều khiển xe mô tô Exciter 135 màu xanh (không rõ biển số) bán cho bị cáo H một bịch ma túy có rãnh cài viên màu đỏ với giá là 2.000.000 đồng; bị cáo H đem ma túy về nhà bị cáo H1 đưa cho bị cáo T, lúc này bị cáo T kêu đổ ra sử dụng nên bị cáo Hiền xúc một ít chất ma túy đổ ra nỏ để mọi người sử dụng. Bị cáo H1 thấy bị cáo T khờ sợ bị lừa hết chất ma túy, nên kêu bị cáo H chia ra đoạn ống hút cho bị cáo T mang về và dặn mỗi lần sử dụng chỉ lấy ra một đoạn, nếu ai sử dụng thì kêu hùn tiền và bị cáo H1 kêu bị cáo T đưa tiền để mua ống hút; bị cáo T đưa cho con bị cáo H1 tên Trần Quốc T5 (12 tuổi) số tiền là 100.000 đồng đi mua ống hút, khi có ống hút bị cáo H là người chia ra nhiều đoạn ống hút, bỏ chất ma túy vào bên trong rồi hàn kín lại; bị cáo H1 lấy các đoạn ống hút chứa ma túy bỏ vào bịch nylon rồi dùng băng keo đen quấn xung quanh bên ngoài để cho bị cáo T mang về.

Sau đó, bị cáo T nhờ bị cáo H1 chở đến chợ thị trấn C, huyện C mua xe đạp, bị cáo H1 không đồng ý cho bị cáo T mang theo chất ma túy vì sợ Công an bắt, kêu bị cáo T để lại chất ma túy và nói “đưa đây tao cất cho”, rồi lấy chất ma túy nhét vào vách nhà, tại vị trí mỗi nối giữa 02 tấm tôn (tole) dùng vách, nơi ngồi nhậu tại nhà bị cáo H1. Bị cáo H1 điều khiển xe mô tô biển số 72S2-0263 chở bị cáo T đến cửa hàng bán xe Thầy H thuộc chợ N3, thị trấn C, huyện C, tại đây bị cáo T mua 02 xe đạp điện (giá là 8.500.000 đồng/ xe) và mua 01 xe đạp cho con của bị cáo H1 (giá là 1.900.000 đồng) và thỏa thuận với chủ cửa hàng giao các xe trên về nhà của bị cáo H1; tiếp đó, bị cáo T đi mua các vật dụng cá nhân (dây nịt, dép, điện thoại) và đến tiệm V1 mua 01 nhẫn đeo tay bằng vàng (trọng lượng 01 chỉ, 44 phân, 06 ly, số tiền

là 6.250.000 đồng). Bị cáo H1 chở bị cáo T về nhà và lấy các đoạn ma túy cất giữ trước đó đưa cho bị cáo T. Một lúc sau, các anh Phan Hữu P2 và Nguyễn Minh Q (người của cửa hàng bán xe) đến nhà bị cáo H1 giao: 01 xe đạp điện màu đỏ-đen, nhãn hiệu SONSU và 01 xe đạp màu đen-cam. Bị cáo T lấy 07 (bảy) đoạn ống hút chứa chất ma túy đã quấn bằng keo đen bên ngoài bỏ vào túi quần đang mặc. Ngoài ra, bị cáo H1 cho bị cáo T 01 bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (chai nhựa, ống hút và nỏ thủy tinh), do trời mưa nên bị cáo H1 cho bị cáo T 01 bịch nylon màu đen, để đựng bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 sợi dây chuyền là vàng giả và số tiền 1.100.000 đồng và để bịch nylon này vào rổ xe và điều khiển xe về nhà, trên đường về thì bị Công an kiểm tra và lập biên bản bắt quả tang (vào lúc 16 giờ 40 phút, ngày 31/10/2023).

Sau khi bị cáo T về nhà, các anh Phan Hữu P2 và Nguyễn Minh Q tiếp tục giao 01 xe đạp điện nhãn hiệu AZIR đến nhà bị cáo H1. Buổi chiều, ngày 31/10/2023, khi biết bị cáo T bị bắt nên buổi sáng ngày 01/11/2023, bị cáo H1 đem xe đạp điện đến Cửa hàng xe bán lại và được bà Vưu Tuyết N1 (chủ cửa hàng) đồng ý mua lại với giá là 7.000.000 đồng; khi bà Vưu Tuyết N1 biết số tiền bị cáo T mua xe là tài sản do trộm cắp mà có, bà yêu cầu bị cáo H1 trả lại tiền nhưng bị cáo H1 trả lại là 4.000.000 đồng, số tiền còn lại là 3.000.000 đồng bị cáo H1 tiêu xài cá nhân. Sau đó, anh Phan Hữu P2 (con bà N1) tự nguyện giao nộp số tiền là 4.000.000 đồng để xử lý theo quy định.

Số tiền bị cáo T bán vàng đã tiêu xài cá nhân (mua ma túy, mua xe đạp điện, xe đạp, điện thoại, 01 nhẫn và một số vật dụng khác), còn lại là 1.100.000 đồng.

Ngày 09/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố Đỗ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; ngày 07/12/2023, quyết định bổ sung quyết định khởi tố Đỗ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 11/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra quyết định khởi tố Đỗ Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ngày 25/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Kiên Giang ra quyết định khởi tố Trần Thanh H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

+ Thu giữ của bị cáo T: Bảy đoạn ống hút với nhiều kích thước khác nhau, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể không đồng nhất nghi là chất ma túy. Kết luận giám định: Nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất chứa trong 07 (bảy) đoạn ống hút được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu gửi giám định là 1,5535 gam, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam; tiền Việt Nam là 1.100.000 đồng; một xe đạp điện nhãn hiệu SONSU màu đỏ-đen; Hai bật lửa; một bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (một bình nhựa trong suốt cao 16,5cm “chế từ vỏ chai stinh”, nắp màu vàng, đục 02 lỗ trên có gắn 01 nỏ thủy tinh “dùng để chứa chất ma túy” và hai đoạn ống hút có màu trắng và trong suốt sọc trắng); một vỏ bịch nylon có rãnh cài viền màu đỏ, kích thước 11 x 7,1cm; một đoạn băng keo màu đen dài 41cm; một phong bì màu trắng được niêm phong trên đó có dấu đường vân màu đỏ của Đỗ Văn T; chữ ký của Đặng Quốc H3, Trần Văn T6, điều tra viên Cao Minh Đ2, phó Trưởng Công an xã thiếu tá Trịnh

Xuân H4 và hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã T, huyện G, ký hiệu 02, bên trong có một nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng (trọng lượng 01 chỉ, 44 phân, 06 ly); một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 60cm, mặt hình tròn có đường kính 3,6cm (chủ tiệm vàng và chủ sở hữu xác định là vàng giả); hai điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (trong đó, một màu tím-đen, số IMEI 1: 869347033311692, số IMEI 2: 869347033311684 và một điện thoại màu xanh-trắng-đen (không kiểm tra, đã khóa mặt khóa mở máy); một quần sọt Jean màu xanh; một thắt lưng (dây nịt) màu đen; một đôi dép nhựa màu đen, trên dép có chữ G.

+ Thu giữ của anh Phạm Thanh T2 (chủ tiệm V):

Một sợi dây chuyền, vàng 18k trọng lượng 04 chỉ, 07 phân, 09 ly, kiểu khoen lật; một lắc đeo tay, vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ, 05 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt tròn có đính hột màu trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 02 ly; một nhẫn đeo tay mặt ô van có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt vuông có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 09 phân; một bông tai, vàng 18k, trọng lượng 03 phân, 09 ly và một đĩa chứa hai đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng T7, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đến cửa hàng để bán vàng lấy trộm ngày 31/10/2023 và đã được niêm phong theo quy định.

+ Thu giữ của anh Phan Hữu P2 (con của bà Vưu Tuyết N1, cửa hàng bán xe): Tiền Việt Nam là 4.000.000 đồng và một đĩa chứa ba đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng bán xe Thầy H, ghi lại cảnh Đỗ Văn T và Trần Thanh H1 đến cửa hàng đến mua xe ngày 31/10/2023, cũng như Trần Thanh H1 đến trả trả lại xe của Đỗ Văn T mua và đã được niêm phong theo quy định.

+ Thu giữ của bị cáo H1: Một xe đạp ký hiệu NIKXUS màu đen-cam.

+ Thu giữ của bà Trần Thị Bạch T1: Một đĩa chứa một đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại nhà của bà T1, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đột nhập vào nhà bà trộm cắp tài sản ngày 31/10/2023 và đã được niêm phong theo quy định.

- Vật chứng không thu giữ được: Một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng (không rõ trọng lượng có đính mặt cẩm thạch).

- Tại kết luận giám định số: 1117/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: Nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất chứa trong 07 (bảy) đoạn ống hút được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu gửi giám định là 1,5535 gam, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 35/TĐG-CT/HĐĐG ngày 21/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xác định giá vàng thị trường là 4.500.000 đồng/ chỉ, cụ thể như sau:

Một sợi dây chuyền, vàng 18k trọng lượng 04 chỉ, 07 phân, 09 ly, kiểu khoen lật = 21.555.000 đồng.

Một lắc đeo tay, vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ, 05 phân, 01 ly = 20.295.000 đồng.

Một nhẫn đeo tay mặt tròn có đính hột màu trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 02 ly = 7.290.000 đồng.

Một nhẫn đeo tay mặt ô van có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 01 ly = 7.245.000 đồng.

Một nhẫn đeo tay mặt vuông có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 09 phân = 4.050.000 đồng.

Một bông tai, vàng 18k, trọng lượng 03 phân, 09 ly = 1.755.000 đồng.

Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 60cm, mặt hình tròn có đường kính 3,6cm (chủ tiệm vàng và chủ sở hữu xác định là vàng giả nên không có cơ sở để xác định).

Một mặt dây chuyền bằng kim loại màu vàng, không rõ trọng lượng có đính mặt cẩm thạch (không thu giữ được): Không có cơ sở xác định.

Một điện thoại di động OPPO màu tím-đen, số IMEI 1: 869347033311692, số IMEI 2: 869347033311684 (tỉ lệ còn lại là 40%), giá thị trường là: 2.900.000 đồng x 40% = 1.196.000 đồng.

Tài sản là vàng (vàng 18k), trị giá tổng cộng là 62.190.000 và giá trị tài sản (một điện thoại) là 1.196.000 đồng.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 36/TĐG-CT/HĐĐG ngày 21/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận:

Một xe đạp ký hiệu NIKXUS màu đen-cam (tỉ lệ còn lại là 60%), giá thị trường là: 1.900.000 đồng x 60% = 1.140.000 đồng.

Một xe đạp điện nhãn hiệu SONSU màu đỏ-đen (tỉ lệ còn lại là 50%), giá thị trường là: 8.500.000 đồng x 50% = 4.250.000 đồng.

Một điện thoại di động OPPO màu xanh-trắng-đen (không kiểm tra, đã khóa mặt khóa; tỉ lệ còn lại là 40%), giá thị trường là: 2.990.000 đồng x 40% = 1.196.000 đồng.

Một thắt lưng (dây nịt) màu đen (tỉ lệ còn lại là 40%), giá thị trường là: 500.000 đồng x 40% = 200.000 đồng.

Một đôi dép nhựa màu đen, trên dép có chữ G (tỉ lệ còn lại là 40%), giá thị trường là: 70.000 đồng x 40% = 28.000 đồng.

Ngày 24/11/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định xử lý vật chứng trả cho chủ sở hữu, như sau:

Trả bà Trần Thị Bạch T1: Một sợi dây chuyền, vàng 18k trọng lượng 04 chỉ, 07 phân, 09 ly, kiểu khoen lật; một lắc đeo tay, vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ, 05 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt tròn có đính hột màu trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 02 ly; một nhẫn đeo tay mặt ô van có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt vuông có đính hột trắng, vàng 18k, trọng lượng 09 phân; một bông tai, vàng 18k, trọng lượng 03 phân, 09 ly mà một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có chiều dài 60cm, mặt hình tròn có đường kính 3,6cm (chủ tiệm vàng và bà T1 xác định là vàng giả).

Trả bà Nguyễn Thị T3: Một điện thoại di động OPPO màu tím-đen, số IMEI 1: 869347033311692, số IMEI 2: 869347033311684.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, H, H1 và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định, các bản kết luận định giá tài sản nêu trên và quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G.

Bản cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Trần Thanh H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo T, H và H1 về tội danh nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 36 đến 45 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hiền từ 12 đến 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo H1 từ 12 đến 15 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, đề nghị: Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh T2 số tiền là 41.260.000 đồng. Đối với bà Trần Thị Bạch T1 và bà Nguyễn Thị T3 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Buộc bị cáo H1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng.

Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G trả tài sản cho chủ sở hữu.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Một điện thoại OPPO màu xanh-trắng-đen, số IMEI (không kiểm tra, do khóa mật khẩu mở máy); một xe đạp ký hiệu NIKXUS, màu đen-cam; một xe đạp điện nhãn hiệu SONSU màu đỏ-đen; tiền Việt Nam là 5.100.000 đồng và một nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng (trọng lượng 01 chỉ, 44 phân, 06 ly).

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: Một đĩa chứa hai đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng T7, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đến cửa hàng để bán vàng lấy trộm ngày 31/10/2023; một đĩa chứa ba đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng bán xe Thầy H, ghi lại cảnh Đỗ Văn T và Trần Thanh H1 đến cửa hàng đến mua xe ngày 31/10/2023, cũng như Trần Thanh H1 đến trả trả lại xe của Đỗ Văn T mua và một đĩa chứa một đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại nhà của bà T3, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đột nhập vào nhà bà trộm cắp tài sản ngày 31/10/2023.

Tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì có

ký hiệu vụ số 1117/2023 và các vật dụng đã thu giữ trong vụ án (bật lửa, bộ D2 sử dụng ma túy, vỏ bình nylon, đoạn băng keo, quần sọt, thắt lưng...).

Đối với đối tượng tên T4 và hai người thanh niên bán ma túy cho bị cáo H (theo bị cáo H khai) chưa xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể, chưa chứng minh được hành vi vi phạm, khi có đủ căn cứ Cơ quan điều tra tiếp tục xử lý.

Đối với hành vi các bị cáo T, H và H1 sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của bị cáo H1 và hành vi của bị cáo H1 mang xe đạp trả cho cửa hàng để lấy số tiền là 7.000.000 đồng, do chưa có cơ sở và chứng cứ vững chắc để chứng minh hành vi vi phạm nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, khi có đủ căn cứ tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, bà Trần Thị Bạch T1 là bị hại trình bày:

Hơn 10 giờ, ngày 31/10/2023, bà phát hiện bị mất tài sản là vàng (loại 18k) gồm: Hai sợi dây chuyền (trong đó, có một dây là vàng giả), một lắc đeo tay, ba nhẫn đeo tay, một bông tai và một mặt dây chuyền nên đến Công an xã T trình báo, khi xem lại Camera thì thấy bị cáo T đột nhập vào nhà.

Bà đã nhận lại toàn bộ và đủ số tài sản là vàng bị mất do bị cáo T lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, ông Phạm Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Hơn 09 giờ, ngày 31/10/2023, ông có mua tài sản là vàng (loại vàng 18k), do bị cáo T bán gồm: Một sợi dây chuyền, trọng lượng 04 chỉ, 07 phân, 09 ly; một lắc đeo tay, trọng lượng 04 chỉ, 05 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt tròn, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 02 ly; một nhẫn đeo tay mặt ô van, trọng lượng 01 chỉ, 06 phân, 01 ly; một nhẫn đeo tay mặt vuông, trọng lượng 09 phân; một bông tai, trọng lượng 03 phân, 09 ly. Toàn bộ tài sản nêu trên ông mua với số tiền tổng cộng là 41.260.000 đồng, ông không biết số tài sản nêu trên do bị cáo T trộm cắp của người khác mà có; trong ngày 31/10/2023, khi Công an đến làm việc ông đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản nêu trên để xử lý theo quy định; ông yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền là 41.260.000 đồng.

Quá trình điều tra, bà Vưu Tuyết N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Khoảng 12 giờ, ngày 31/10/2023, bà bán cho bị cáo T và bị cáo H1, 02 xe đạp điện (giá mỗi xe là 8.500.000 đồng) và một xe đạp (giá là 1.900.000 đồng) và thỏa thuận giao xe về nhà của bị cáo H1. Sau đó, con bà là anh P2 và người làm thuê là anh Q giao xe theo thỏa thuận đến nhà của bị cáo H1.

Buổi sáng ngày 01/11/2023, bị cáo H1 đem 01 xe đạp điện đến trả, bà đồng ý thu lại với giá là 7.000.000 đồng; khi biết số tiền bị cáo T mua xe là tài sản do phạm tội mà có bà đã yêu cầu bị cáo H1 trả lại số tiền nêu trên nhưng bị cáo H1 chỉ mới trả là 4.000.000 đồng; bà kêu anh P2 là con bà nộp số tiền là 4.000.000 đồng để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Ngày 29/10/2023, bà bị mất tài sản là một điện thoại di động OPPO màu tím-đen, số IMEI 1: 869347033311692, số IMEI 2: 869347033311684. Bà đã nhận lại tài sản bị mất do bị cáo T lấy trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo T, H và H1: Biết hành vi là vi phạm pháp luật và rất ăn năn về hành vi đã gây ra, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh T2 số tiền là 41.260.000 đồng và bị cáo H1 tự nguyện nộp lại số tiền là 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo T, H, H1 và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo T, H và H1 thừa nhận hành vi vi phạm của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, cụ thể:

Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo T, H và H1: Ngày 31/10/2023, bị cáo T là người trực tiếp khởi xướng việc mua ma túy, đưa tiền cho bị cáo H đi mua ma túy; đối với bị cáo H mua ma túy giúp bị cáo T, bỏ chất ma túy trong các đoạn ống hút và hàn kín lại để cho bị cáo T đem về; đối với bị cáo H1 lấy các đoạn ống hút có chứa ma túy bỏ vào bịch nylon và dùng băng keo đen quấn xung quanh bên ngoài; trước khi bị cáo T về nhà bị cáo cất giữ số ma túy tại nhà, sau đó đưa cho bị cáo T đem về. Trên đường bị cáo T về nhà thì bị lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (vào lúc 16 giờ 40 phút, ngày 31/10/2023, thuộc ấp P, xã T, huyện G).

Mục đích các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Kết luận giám định: Nhiều hạt tinh thể trong suốt không đồng nhất chứa trong 07 (bảy) đoạn ống hút được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu gửi giám định là 1,5535 gam, mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 323 của Nghị định số: 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ do Nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán và sử dụng trái phép.

Về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T: Hơn 09 giờ, ngày 31/10/2023, bị cáo đến nhà bà Trần Thị Bạch T1 thuộc ấp P, xã T, huyện G, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên đã lấy trộm tài sản là vàng của bà T1, mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi lấy trộm được tài sản của bà T1, bị cáo bán toàn bộ được số tiền tổng cộng là 41.260.000 đồng, số tiền bán

tài sản bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân (mua ma túy, xe đạp điện, xe đạp, điện thoại, nhãn, chuộc lại điện thoại và một số vật dụng khác), còn lại là 1.100.000 đồng. Kết luận định giá tài sản là vàng do bị cáo T chiếm đoạt của bà T1, trị giá là 62.190.000 đồng.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 29/10/2023, bị cáo T còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là một điện thoại di động OPPO màu tím-đen của bà Nguyễn Thị T3 đem cầm cho bị cáo H1 (hành vi này đã bị đề nghị xử phạt hành chính).

Như vậy, lời khai nhận về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo T, H và H1 và hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tình tiết của vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Các bị cáo T, H và H1 đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho bản thân, cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội ở địa phương và là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Ngoài ra, bị cáo T còn có hành vi chiếm đoạt tài sản hợp pháp của bà T3.

Đối chiếu hành vi và hậu quả của các bị cáo T, H và H1 với quy định của Bộ luật hình sự đã đủ căn cứ kết luận: Bị cáo T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội trộm cắp tài sản; bị cáo H và bị cáo H1 phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Cho nên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo H và bị cáo H1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo T, H và H1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cho thấy: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia nên các bị cáo phải chịu hậu quả chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xử phạt bị cáo T nặng hơn so với bị cáo H và H1 về hành vi này, do bị cáo T có vai trò chủ mưu khởi xướng, bị cáo H và bị cáo H1 đồng ý thực hiện tội phạm tích cực.

Tại phiên tòa, các bị cáo T, H và H1 nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng, hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo T thực hiện là vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, H và H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo T, H và H1 đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm. Do đó, có căn cứ cho các bị cáo hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, các bị cáo T, H và H1 có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; có thái độ ăn năn hối cải (bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông T2, bị cáo H1 đồng ý nộp lại số tiền thu lợi bất chính); mặt khác, bị cáo H1 đang trực tiếp nuôi con còn nhỏ. Do đó, có căn cứ cho các bị cáo T, H và H1 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Các bị cáo T và H1 không có tiền án, tiền sự được xem là có nhân thân tốt. Bị cáo H có một tiền sự đã bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, sau khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đặc điểm về nhân thân của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt.

[4]. Về hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Các bị cáo T, H và H1 có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định; mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy không có tính chất vụ lợi nên việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Theo đơn yêu cầu, ông Phạm Thanh T2 yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông số tiền là 41.260.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông T2.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo T phải có nghĩa vụ trả cho ông T2 số tiền là 41.260.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra quyết định trả tài sản cho chủ sở hữu (bà Trần Thị Bạch T1 và bà Nguyễn Thị T3), không ai có ý kiến hoặc khiếu nại nên Hội đồng xét xử không xử lý.

Buộc bị cáo H1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Một điện thoại di động OPPO màu xanh-trắng đen, số IMEI (không kiểm tra, do khóa mật khẩu mở máy); một xe đạp ký hiệu NIKXUS, màu đen-cam; một xe đạp điện nhãn hiệu SONSU màu đỏ-đen; tiền Việt Nam là 5.100.000 đồng và một nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng (trọng lượng 01 chỉ, 44 phân, 06ly).

Tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam đựng trong một bịch nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì có ký hiệu vụ số 1117/2023; hai bột lửa; một bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (một bình nhựa trong suốt cao 16,5cm “ché từ vỏ chai stin”, nắp màu vàng, đục 02 lỗ trên có gắn 01 nõ thủy tinh “dùng để chứa chất ma túy” và hai đoạn ống hút có màu trắng và trong suốt sọc trắng); một vỏ bịch nylon có rãnh cài viền màu đỏ, kích thước 11 x 7,1cm; một đoạn băng keo màu đen dài 41cm; một quần sọt Jean màu

xanh; một thắt lưng (dây nịt) màu đen; một đôi dép nhựa màu đen, trên dép có chữ G.

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: Một đĩa chứa hai đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng T7, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đến cửa hàng để bán vàng lấy trộm ngày 31/10/2023; một đĩa chứa ba đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng bán xe Thầy H, ghi lại cảnh Đỗ Văn T và Trần Thanh H1 đến cửa hàng đến mua xe ngày 31/10/2023, cũng như Trần Thanh H1 đến trả trả lại xe của Đỗ Văn T mua và một đĩa chứa một đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại nhà của bà T3, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đột nhập vào nhà bà trộm cắp tài sản ngày 31/10/2023.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $41.260.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.063.000 \text{ đồng}$, tổng cộng là 2.263.000 đồng.

Các bị cáo H và H1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T (tên thường gọi khác Mèo M) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Đỗ Văn H và bị cáo Trần Thanh H1 (tên thường gọi khác Hải Đ1) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T là 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T là 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 31/10/2023.

1.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H là 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 14/3/2024.

1.3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử

phạt bị cáo Trần Thanh H1 là 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời điểm chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh T2 số tiền là 41.260.000 đồng (bốn mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông T2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bị cáo T không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Buộc bị cáo Trần Thanh H1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Một điện thoại di động OPPO màu xanh-trắng đen, số IMEI (không kiểm tra, do khóa mật khẩu mở máy); một xe đạp ký hiệu NIKXUS, màu đen-cam; một xe đạp điện nhãn hiệu SONSU màu đỏ-đen; tiền Việt Nam là 5.100.000 đồng và một nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng (trọng lượng 01 chỉ, 44 phân, 06ly).

- Tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng là 1,4855 gam đựng trong một bọc nylon và bao gói đựng mẫu được niêm phong trong một phong bì có ký hiệu vụ số 1117/2023; hai bật lửa; một bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy (một bình nhựa trong suốt cao 16,5cm “ché từ vỏ chai stin”, nắp màu vàng, đục 02 lỗ trên có gắn 01 nõ thủy tinh “dùng để chứa chất ma túy” và hai đoạn ống hút có màu trắng và trong suốt sọc trắng); một vỏ bọc nylon có rãnh cài viền màu đỏ, kích thước 11 x 7,1cm; một đoạn băng keo màu đen dài 41cm; một quần sọt Jean màu xanh; một thắt lưng (dây nịt) màu đen; một đôi dép nhựa màu đen, trên dép có chữ G.

Các vật chứng nêu trên do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang quản lý, theo quyết định chuyển vật chứng số: 21/QĐ-VKS ngày 24/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: Một đĩa chứa hai đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng T7, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đến cửa hàng để bán vàng lấy trộm ngày 31/10/2023; một đĩa chứa ba đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại cửa hàng bán xe Thầy H, ghi lại cảnh Đỗ Văn T và Trần Thanh H1 đến cửa hàng đến mua xe ngày 31/10/2023, cũng như Trần Thanh H1 đến trả trả lại xe của Đỗ Văn T mua và một đĩa chứa một đoạn ghi hình (Video), trích xuất từ Camera tại nhà của bà T3, ghi lại cảnh Đỗ Văn T đột nhập vào nhà bà trộm cắp tài sản ngày 31/10/2023.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.063.000 đồng; tổng cộng bị cáo Đỗ Văn T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.263.000 đồng (hai triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Các bị cáo Đỗ Văn H và Trần Thanh H1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Đỗ Văn T, Đỗ Văn H và Trần Thanh H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2024); bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Nhà tạm giữ;
- Cơ quan điều tra;
- CQ Thi hành án huyện HS, DS;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn (nơi BC cư trú);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát